TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Nguyệt

2. Bà Dương Thị Lầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nông Thị X, sinh ngày 28/11/1988; Địa chỉ: Xóm B, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Tô Văn H, sinh ngày 25/9/1984; Địa chỉ: Xóm Th, xã X, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị X trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H về chung sống với nhau từ năm 2013, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống của ông bà có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chồng bà hay ghen tuông vô cớ. Ngày 29 tết Nguyên đán năm 2018 vợ chồng bà xảy

ra mâu thuẫn; Khi đó bà đang mang thai tháng thứ bảy, chồng bà nghi ngờ con không phải là của chồng nên có nhiều lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Ngày 30 tết bà chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng để sinh sống đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông bà không có hành động nào để níu kéo tình cảm. Bà xác định mình không còn tình cảm với ông H và yêu cầu được ly hôn.

* Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Nông Thị D, sinh ngày 10/5/2018. Hiện nay cháu đang sống cùng bố mẹ bà, do công tác xa nhà nên cuối tuần bà mới về thăm con. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Hiếu cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Tô Văn H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà X được tự do tìm hiểu và về sống chung với nhau từ năm 2013; Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Ngày 29 tết âm lịch vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn vì ông thấy bà X nhắn tin tình cảm với người khác, ông tức giận không làm chủ được bản thân nên đã quát mắng bà X. Sáng hôm sau bà X bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Từ đó đến nay bà X không quay lại nữa. Ông có đến đón nhưng bà X không quay về. Hiện nay, ông xác định tình cảm của mình với bà X không còn, ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 (Một) con chung, bà X không nói cho ông biết tên con nên ông không biết con tên là gì. Con sinh vào tháng 5/2018, khi bà X sinh con ở bệnh viện ông có đến chăm sóc, sau đấy có đến đón bà X và con về nhưng bà X không đồng ý. Ông không có việc làm, không có thu nhập nên không có khả năng nuôi con, không cấp dưỡng hàng tháng nuôi con.

- Về tài sản: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã X, huyện BL, tỉnh Cao Bằng và tại nhà của bị đơn nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Thị D sinh ngày 10/5/2018 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bà Nông Thị X yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với ông Tô Văn H, ông H có địa chỉ và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Th, xã X, huyện BL, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về sự vắng mặt của ông Tô Văn H: Từ khi thụ lý vụ án, ông H có viết bản tự khai và được lấy lời khai. Tuy nhiên khi Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa thì ông Hiếu không có mặt tại địa phương nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị X và ông Tô Văn H về chung sống với nhau từ năm 2013. Ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống chung của ông bà có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hiểu nhau, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Tết âm lịch năm 2018 ông bà sống ly thân, trong thời gian sống ly thân ông bà không hề có hành động nào thể hiện sự nỗ lực níu kéo tình cảm, ai biết bổn phận của người đó. Bà X yêu cầu được ly hôn với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống hôn nhân của bà X và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà X có yêu cầu được ly hôn là chính đáng nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Nông Thị D, sinh ngày 10/5/2018, hiện nay cháu đang sống cùng chị X. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn ông Tô Văn H cũng đồng ý để bà X trực tiếp nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà X là chính đáng và cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn bà Nông Thị X phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị X. Bà Nông Thị X được ly hôn ông Tô Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị D, sinh ngày 10/5/2018 cho bà Nông Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Tô Văn H không cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: Bà Nông Thị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà X đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2016/0001531 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Bà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tô Thị Thùy Ngân